

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-ST.

Ngày: 16 – 9 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rục.

Ông Huỳnh Quyết Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Thanh T; Tên gọi khác: Năm C, sinh năm 1991; Nơi sinh: Tại tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Thanh D, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Mỹ M, sinh năm 1970; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 23/6/2020 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Phạm Văn T; sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp Phụng T, xã Song Ph, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác (Người làm chứng):

1. Ông Phan Thanh D, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp Ngãi H, thị trấn Đại Ng, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Trần Thị Mỹ Mai, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp Ngãi H, thị trấn Đại Ng, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 02/01/2018, ông Phạm Văn T điều khiển xe mô tô biển số 83P1-046.31, nhãn hiệu QUNIMEX, màu sơn xanh đi thăm ruộng thuộc khu vực ấp Phụng T, xã Song Ph, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo đi cắt cỏ để cho dê ăn. Khi đến khu vực đất của ông Sơn thì phát hiện xe mô tô biển số 83P1-046.31 không ai trông giữ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi cắt cỏ đem về nhà, bị cáo tìm thấy chìa khóa cửa nhà rồi quay trở lại chỗ chiếc xe biển số 83P1-046.31 lúc đó khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo lấy chìa khóa cửa gắn vào ổ khóa xe thì mở được khóa xe, dẫn xe một đoạn thì lên xe ngồi, đạp cho xe nổ máy và chạy về nhà. Khi về đến nhà gặp bà Trần Thị Mỹ Mai là mẹ của bị cáo thì bà Mai nhìn thấy và hỏi xe của ai, bị cáo trả lời xe của bạn gửi rồi đem xe cất giấu trong phòng ngủ của mình. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, ông Tính phát hiện mất chiếc xe biển số 83P1-046.31 nên trình báo cho Công an. Qua xác minh xác định bị cáo lấy trộm xe biển số 83P1-046.31 và bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi, tự nguyện giao nộp xe đã lấy trộm.

Tại kết bản luận định giá tài sản số 09/KL.HĐĐGTS ngày 15/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Long P kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu QUNIMEX, màu sơn xanh, biển số 83P1-046.31, số máy 152FMH003028, số khung H9HG6H003028, giá trị sử dụng thời điểm chiếm đoạt là 2.400.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-LP ngày 17/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P truy tố bị cáo Phan Thanh T (Năm Cam) đủ yếu tố cấu thành về Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phan Thanh T theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T (Năm Cam) phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 03 tháng đến 05 tháng tù.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, bản kết luận định giá tài sản số 09 ngày 15/01/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Long P. Tại lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, bản kết luận định giá tài sản số 09 ngày 15/01/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Long P; không yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại và yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Long Phú, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Phạm Văn T. Xét thấy, bị hại Phạm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ vào Điều 292 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan Điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như kết luận định giá tài sản số 09 ngày 15/01/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Long P, hiện trường vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và phù hợp với lời khai của bị hại Tính, người làm chứng cụ thể: Do muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 15 giờ ngày 02/01/2018, tại phần đất của ông Phạm Thanh Sơn thuộc ấp Phụng T, xã Song Ph, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu QUNIMEX, màu sơn xanh, biển số 83P1-046.31, số máy 152FMH003028, số khung H9HG6H003028 của bị hại Phạm Văn T có giá trị là 2.400.000 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị là 2.400.000 đồng mà bị cáo đã thực hiện phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4] Do đó, cáo trạng số 16/CT-VK-SLP ngày 17/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P truy tố bị cáo Phan Thanh T (Năm Cam) về tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Cho nên, đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc để bị cáo có thời gian tâm đắc sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội, góp phần phòng chống tội phạm chung.

Để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân và các

tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo nên Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét cho bị cáo được hưởng một phần hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Văn T không yêu cầu bị cáo Phan Thanh T (Năm Cam) bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long P đã tạm giữ: Xe mô tô biển số 83P1-046.31, nhãn hiệu QUNIMEX, màu sơn xanh và đã trả lại cho bị hại Phạm Văn T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm và theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, về hình phạt, việc áp dụng pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thanh T (Năm Cam) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phan Thanh T (Năm Cam).

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T (Năm Cam) 05 (Năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/6/2020.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Phan Thanh T (Năm Cam) phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn

kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Vks tỉnh ST
- Viện kiểm sát nhân dân HLP;
- CQCS điều tra CAHLP;
- Cơ quan THAHS;
- Nhà tạm giữ CAHLP;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Lưu hs.

DƯƠNG THỊ THANH HOA